

Bản án số: 768/2019/DS-ST

Ngày: 20/8/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Bà Lê Thị Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, lúc 08 giờ 30 phút tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 Đường B1, Phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Phạm Trường T là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 336/2019/UQ-TTT ngày 02/01/2019. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà G (vắng mặt)

Địa chỉ: số 80/37A đường B2, Phường C2, Quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do ông T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/9/2008 bà G có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

(gọi tắt Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Hạn mức tín dụng là 18.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 84.887.278 đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà G đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 95.226.017 đồng. Số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà G phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà G không có thiện chí trả nợ. Do bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/6/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 16.528.899 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Tính đến ngày 11/4/2019 bà Giang còn nợ là:

Nợ gốc: 16.528.899 đồng

Nợ lãi: 31.166.826 đồng

Tổng cộng: 47.695.725 đồng.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc bà G phải thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đối với toàn bộ số tiền 47.695.725 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 16.528.899 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng ($2.15\% \times 150\%$) từ ngày Ngân hàng Sacombank chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Bị đơn bà G đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng bà G vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà G.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ

nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà G có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A nợ gốc 16.528.899 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 20/8/2019 là 33.494.565 đồng. Tổng cộng 50.023.464 đồng. Ngoài ra yêu cầu bà G tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà G đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng bà G vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện bị đơn bà G, phải trả số tiền còn thiếu phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 14, Quận 3 thì đương sự G trú tại 80/37 đường B2, Phường C2, Quận D2, nhưng thực tế không còn cư ngụ tại địa phương, đi đâu không rõ.

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 12, quận Bình Thạnh, tại địa chỉ P1406C Cao ốc P số 243 đường u, Phường X, quận Bình Thạnh không có ai tên G thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên.

Căn cứ kết quả xác minh tại Công ty Cổ phần VNDirect – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, xác nhận bà G không phải là nhân viên của Công ty chứng khoán Y.

Xét bà G có hộ khẩu tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện nay bỏ đi đâu không rõ. Xét thấy bà Giang không có nơi cư trú ổn định, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới, làm cho người khởi kiện không biết được, nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Đồng thời đây cũng là nơi cư trú cuối cùng của bà G. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn bà G đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Xét bị đơn bà G đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng lần thứ hai tại phiên tòa nhưng bà G vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà G là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo qui định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về luật nội dung áp dụng: Xét quan hệ mà các đương sự đang tranh chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc buộc bị đơn bà G thanh toán nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ký ngày 17/9/2008 có chữ ký của bà G xác nhận giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bên vay là bà G, có cơ sở xác định: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã cấp thẻ tín dụng số thẻ 4862 6500 9110 0850, hạn mức thẻ 18.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Lam G sử dụng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi được cấp thẻ tín dụng bà G đã được đọc và hiểu rõ nội dung Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng Sacombank phát hành.

Căn cứ vào các bảng thông báo giao dịch hàng tháng, Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn, bảng kê tính lãi khách hàng Nguyễn Thị Lam G của Ngân hàng S cập nhật đến ngày 20/8/2019 thể hiện rõ bà G sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 486265-0850 đã phát sinh nợ gốc đến ngày 22/6/2014 là 16.528.899 đồng đến nay đã quá hạn nhưng chưa thanh toán.

Căn cứ mục 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S qui định : *“Chủ thẻ....chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ...”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“...bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “...*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận...*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ các văn bản này cho bị đơn bà G. Trong nội dung thông báo thụ lý có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc và lãi cũng như các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình và đề nghị bà G có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà G không có bất cứ ý kiến phản bác nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, từ các căn cứ đã nêu chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số nợ gốc phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 4862 6500 9110 0850 đã phát sinh nợ gốc là 16.528.899 đồng là phù hợp.

[4.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 20/8/2019) là 33.494.656 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ khoản 2 Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 quy định “...*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định : “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Xét quá trình sử dụng thẻ tín dụng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, không thanh toán nợ gốc đúng hạn nên bà G phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp.

Căn cứ bảng kê tính lãi khách hàng G do Ngân hàng A cung cấp cập nhật đến ngày 20/8/2019 thì bị đơn còn nợ số tiền lãi là 33.494.656 đồng.

Từ những căn cứ như đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền lãi 33.494.656 đồng là phù hợp, buộc bà G phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận, cụ thể được qui định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng Sacombank phát hành.

[4.3]. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 4862 6500 9110 0850 của bà G từ ngày 23/6/2014 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà G phải chịu án phí sơ thẩm là 2.501.173 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 196; khoản 1 Điều 207; Điều 208; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà G phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền gốc và lãi phát sinh do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 4862 6500 9110 0850, số tiền phải trả bao gồm:

Tiền nợ gốc: 16.528.899 đồng

Lãi quá hạn: tạm tính đến ngày 20/8/2019 là 33.494.565 đồng

Tổng cộng: 50.023.464 đồng

Việc thanh toán tiền phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà G còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phát hành.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà G phải chịu là 2.501.173 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.014.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004312 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bà G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Phú Oanh